

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON TUỔI NGỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 238/KH-MNTN

Quận 8, ngày 30 tháng 9 năm 2022

CÔNG KHAI

CÁC KHOẢN THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN, THU HỘ - CHI HỘ, THU KHÁC Năm học 2022 - 2023

- Căn cứ văn bản số 2987/SGDĐT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh Về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

- Căn cứ văn bản số 2011/UBND-PGDĐT ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy Ban nhân dân Quận 8 V/v chấp thuận các khoản thu học phí và các khoản thu thỏa thuận, thu khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2022 – 2023

- Căn cứ cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh ngày 27 tháng 9 năm 2022 V/v thỏa thuận các khoản thu đầu năm học 2022-2023

- Căn cứ cuộc họp cha mẹ học sinh các lớp đầu năm học ngày 27 và 28 tháng 09 năm 2022 V/v thảo luận và thống nhất các khoản thu chi năm học 2022 – 2023 của trường Mầm non Tuổi Ngọc

Trường Mầm non Tuổi Ngọc Công khai các khoản thu thỏa thuận; thu hộ - chi hộ và thu khác trong năm học 2022 – 2023 như sau :

- * Các khoản thu 1 năm được thu 1 lần.
- * Các khoản thu hàng tháng được thông báo vào sổ và phát về cho phụ huynh vào đầu mỗi tháng;
- * Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý đối với các khoản thu của các đơn vị giáo dục và đào tạo trực thuộc; minh bạch hoá các hoạt động thanh toán trong ngành giáo dục và đào tạo; đồng thời đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh, cải cách công tác hành chính tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn quận 100% các trường thực hiện thanh toán học phí và các khoản thu khác qua tài khoản Ngân hàng. Không thu tiền mặt tại trường.

Tình hình trường lớp: Tổng số học sinh 660/20 lớp

+ Nhà trẻ: 04 nhóm lớp

90/học sinh

+ Mẫu giáo: 16 lớp

570/học sinh

I/. Thu, sử dụng, quản lý tiền học phí: Tạm thời chưa tổ chức thực hiện thu, chờ hướng dẫn cập nhật về mức thu học phí trong năm học của Ủy ban nhân dân (theo Công văn số 2987/SGD-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022)

II/. Thu khác:

a. Các khoản thu hộ-chi hộ: (khung thu bằng với năm học trước)

- Tiền ăn sáng: tùy theo phụ huynh có nhu cầu cho học sinh ăn sáng tại trường (không bắt buộc); trong tháng nếu có bé nào nghỉ trên 02 ngày số tiền ăn sáng của ngày nghỉ trong tháng sẽ được khấu trừ vào tiền ăn sáng của tháng sau (tháng sau sẽ đóng ít lại)

- Tiền ăn được thu đủ theo số ngày thực học trong tháng.

Trong tháng nếu có bé nào số tiền ăn của ngày nghỉ trong tháng sẽ được khấu trừ vào tiền ăn của tháng sau (tháng sau sẽ đóng ít lại)

Việc điểm danh ngày ăn và khấu trừ tiền ăn các bé nghỉ được quản lý và cập nhật trên phần mềm bán trú của “Bảo Công nghệ” phần mềm này đã được sự thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

STT	Nội dung thu	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức thu
01	Ăn sáng;	Chi tiền thực phẩm, NYP, gas nấu..cho bữa ăn sáng của cháu	Ngày	10.000đ
02	Tiền ăn bán trú (kể cả tiền nước uống) (HS/ngày)	Chi tiền thực phẩm, sữa: 28.000đ/bé/ngày Nước sôi Lavie: 700 – 800/bé/ ngày Gas nấu ..cho bữa ăn trưa và ăn xế của cháu: từ 600 đến 800đ/bé/ngày	Ngày	30.000đ
03	Tẩy giun	* Thuốc tẩy giun cho HS (2 lần/ năm thu theo quy định của cơ quan Y tế quận)	Học kỳ	8.000đ
04	Học phẩm, ĐDDH, đồ chơi	* Chi về tập, vở, giấy, bút ...cho học sinh học, vật liệu làm Đồ dùng dạy học....., bổ sung đồ chơi trong lớp.	Năm học	220.000đ

b. Các khoản thu thỏa thuận:

1. Tiền tổ chức phục vụ và quản lý bán trú

Mức thu : 270.000đ/ học sinh/ tháng

Số thu 01 tháng: 660 học sinh x 270.000 = 178.200.000đ/tháng

Tổng thu Năm học: 178.200.000đ x 09 tháng = 1.603.800.000đ/09 tháng

• **Dự kiến Chi trong tháng**

Stt	Diễn Giải	Số tiền	Ghi chú
01	Đóng thuế TNND theo quy định 2%	3.564.000	/tháng
02	*Chi Hỗ trợ thuê 10 NVND x 5.500.000đ/ 01 người (Thuê theo MLTT vùng I: 5.500.000 – 4.680.000 chi từ NS và nguồn NVND; chi thêm từ PVB: 820.000 + 1.128.000 đóng 23,5% các khoản BH và KPCĐ)	19.480.000	/tháng
03	Chi tiền công Hợp đồng 11 NV x 5.500.000đ / 01 người + 1.128.000 đóng 23,5% các khoản BH và KPCĐ): 6.628.000 x 11 người	72.908.000	/tháng
04	Chi tiền công phục vụ bán trú cho toàn thể CBCC hàng tháng; kiêm nhiệm công tác bán trú... (50 người; tối đa 1.000.000đ/ng/tháng)	47.320.800	/tháng
05	Chi phí cho hoạt động bán trú: trả phí sử dụng phần mềm; mua hàng hóa dùng cho CM bán trú; in sổ bán trú, bổ sung tiền điện, nước, điện thoại...; sửa chữa nhỏ bếp bán trú, bổ sung đồ dùng vật dụng vệ sinh lớp khi tiền vệ sinh không đủ chi và khác ...	34.927.200	/tháng

2. Tiền tổ chức phục vụ và quản lý ăn sáng

Mức thu: 150.000đ/học sinh/tháng

Số thu 01 tháng: 660 học sinh – 10 thất thu = 650 x 150.000 = 97.500.000đ/tháng

Tổng thu Năm học: 97.500.000đ x 09 tháng = 877.500.000đ/09 tháng

• **Dự kiến Chi trong tháng**

Stt	Diễn Giải	Số tiền	Ghi chú
01	Đóng thuế TNND theo quy định 2%	1.950.000	/tháng
02	Chi tiền công thuê mướn NV, tiền phục vụ ăn sáng cho toàn thể CBCC hàng tháng; Kiêm nhiệm bán trú.... (50 người; tối đa 1.000.000đ/ng/tháng)	76.440.000	/tháng
03	Bổ sung chi phí cho hoạt động ăn sáng và chuyên môn: VPP, sổ sách các loại, bổ sung tiền điện, nước, điện thoại...; sửa chữa nhỏ và khác ...	19.110.000	/tháng

3. Tiền chi trả hợp đồng nhân viên nuôi dưỡng theo Nghị quyết 04/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tp Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 3 năm 2021

+ Hiện nay trường đang thuê 10 người NVND x 2.340.000đ/01 người/ tháng

Dự kiến chi trong năm học 2022– 2023: 23.400.000đ x 9 tháng = 210.600.000đ

Dự kiến thu trong năm học 2022 – 2023: **08 tháng**

BQ 660 bé x 40.000/thg = 26.400.000đ/thg x 8 tháng = 211.200.000đ/08 tháng

4. Tiền Vệ sinh bán trú

Mức thu: 20.000đ/học sinh/tháng

Số thu 01 tháng: $660 \times 20.000 = 13.200.000\text{đ/tháng}$

Tổng thu Năm học: $13.200.000\text{đ} \times 09 \text{ tháng} = 118.800.000\text{đ}/09 \text{ tháng}$

• Dự kiến Chi trong tháng

Stt	Diễn Giải	Số tiền	Ghi chú
01	Đóng thuế TNND theo quy định 2%	264.000	/tháng
02	Chi phí tiền Gas nấu bếp hấp khăn cho học sinh (BQ 02 bình 12 kg / tháng)	1.000.000	
03	Chi mua đồ dùng vệ sinh cho 20 lớp (Giấy, nước lau nhà, xịt muỗi)	10.000.000	500.000đ/01 lớp
04	Chi mua đồ dùng vệ sinh cho bếp và các phòng.. (nước lau nhà, xịt muỗi, nước rửa chén, bao rác các loại, bao tay, cước rửa chén)	1.936.000	Nếu thiếu phải chi từ các nguồn thu hoạt động khác ...

5. Tiền thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú

Mức thu : 200.000đ/ học sinh/Năm học

Tổng thu Năm học: $660 \times 200.000 = 132.000.000\text{đ/năm}$

• Dự kiến Chi

Stt	Diễn Giải	Số tiền	Ghi chú
01	Đóng thuế TNND theo quy định 2%	2.640.000	
02	Chi phí bảo trì sửa chữa cải tạo bếp cơm; bếp nấu định kỳ hàng năm	10.000.000	
03	Chi mua bổ sung đồ dùng cho 20 lớp (Ly, chén, muỗng,đép; kem và bàn chải đánh răng, khăn lau mặt cho bé.....)	80.000.000	4.000.000đ/01 lớp
04	Chi mua bổ sung đồ dùng cho bếp và các phòng.. (Nồi nấu các loại, nồi chứa thức ăn xuống lớp, khay; thố, giá múc, mùng cho lớp)	39.360.000	

6. Hoạt động hồ bơi

Mức thu: 40.000đ/học sinh mẫu giáo /tháng

Số thu 01 tháng: $570 \times 40.000 = 22.800.000\text{đ/tháng}$

Tổng thu Năm học: $22.800.000\text{đ} \times 09 \text{ tháng} = 205.200.000\text{đ}/09 \text{ tháng}$

• Dự kiến Chi trong tháng

Stt	Diễn Giải	Số tiền	Ghi chú
01	Đóng thuế TNND theo quy định 2%	456.000	
02	Chi phí thuê giáo viên chuyên trách	4.500.000	
03	Chi hỗ trợ CBCC công tác phục vụ hoạt động hồ bơi	13.375.000	

04	Chi phí thay nước hồ bơi định kỳ, hoá chất lọc nước hồ bơi, chi phí bảo trì hồ bơi và bổ sung kinh phí hoạt động	4.469.000	
----	--	-----------	--

7. Hoạt động Năng khiếu: môn Hội họa và Thể dục nhịp điệu

Mức thu: 80.000đ/học sinh mẫu giáo /tháng

Dự kiến số thu 01 tháng: $500 \times 80.000 = 40.000.000\text{đ/tháng}$

Tổng thu Năm học: $40.000.000\text{đ} \times 07 \text{ tháng} = 280.000.000\text{đ}/07 \text{ tháng}$

(tháng 9 và tháng Tết không hoạt động)

• Dự kiến Chi trong tháng

Stt	Diễn Giải	Số tiền	Ghi chú
01	Đóng thuế TNND theo quy định 2%	800.000	
02	Chi phí thuê C.ty cung cấp giáo viên chuyên trách dạy năng khiếu	27.200.000	
03	Chi hỗ trợ CBCC công tác phục vụ hoạt động giảng dạy năng khiếu	9.600.000	
04	Bổ sung chi phí hoạt động và chuyên môn: VPP, sổ sách các loại, bổ sung tiền điện, nước, điện thoại...; sửa chữa nhỏ và khác ...	2.400.000	

8. Hoạt động Năng khiếu: môn Võ

Mức thu: 80.000đ/học sinh mẫu giáo /tháng

Dự kiến số thu 01 tháng: $150 \times 80.000 = 12.000.000\text{đ/tháng}$

Tổng thu Năm học: $12.000.000\text{đ} \times 07 \text{ tháng} = 84.000.000\text{đ}/07 \text{ tháng}$

(tháng 9 và tháng Tết không hoạt động)

• Dự kiến Chi trong tháng

Stt	Diễn Giải	Số tiền	Ghi chú
01	Đóng thuế TNND theo quy định 2%	240.000	
02	Chi phí thuê C.ty cung cấp giáo viên chuyên trách dạy năng khiếu	8.160.000	
03	Chi hỗ trợ CBCC công tác phục vụ hoạt động giảng dạy năng khiếu	2.880.000	
04	Bổ sung chi phí hoạt động và chuyên môn: VPP, sổ sách các loại, bổ sung tiền điện, nước, điện thoại...; sửa chữa nhỏ và khác ...	720.000	

9. Hoạt động Năng khiếu: môn Anh Văn

Mức thu: 100.000đ/học sinh mẫu giáo /tháng

Dự kiến số thu 01 tháng: $250 \times 100.000 = 25.000.000\text{đ/tháng}$

Tổng thu Năm học: 25.000.000đ x 07 tháng = 175.000.000đ/07 tháng
(tháng 9 và tháng Tết không hoạt động)

• **Dự kiến Chi trong tháng**

Stt	Diễn Giải	Số tiền	Ghi chú
01	Đóng thuế TNND theo quy định 2%	500.000	
02	Chi phí thuê C.ty cung cấp giáo viên chuyên trách dạy Anh	17.000.000	
03	Chi hỗ trợ CBCC công tác phục vụ hoạt động giảng dạy Anh văn	6.000.000	
04	Bổ sung chi phí hoạt động và chuyên môn: VPP, sổ sách các loại, bổ sung tiền điện, nước, điện thoại...; sửa chữa nhỏ và khác ...	1.500.000	

III/. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và thu tài trợ:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 55/2011/TT-BTC-BGDĐT ngày 20 tháng 11 năm 2011 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

* **Đối với những khoản tài trợ:** thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT và Công văn số 1199/UBND-GDĐT ngày 06 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

VI/. Chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mầm non năm học 2022-2023:

Thực hiện đến từng lớp vào buổi họp lớp đầu năm học và niêm yết tại phòng tài vụ trường. Việc miễn giảm được thực hiện cho từng đối tượng cụ thể theo công văn hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Quận 8:

Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh, sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022 và công văn số 1406/SGĐT-KHTC ngày 09 tháng 5 năm 2022 về bổ sung thực hiện chính sách ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo.

Về Hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ mồ côi theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân TP.HCM về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

* Các trường hợp cụ thể khác phụ huynh cần liên hệ với văn phòng để được hướng dẫn chi tiết.

Quận 8, ngày 30 tháng 9 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhiều